TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1470/2025/DS-PT
Ngày 25-11-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Ông Phan Trí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 926/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2025/DS-ST ngày 19/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6238/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 20248/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Ú, sinh năm 1970; địa chỉ thường trú: số A, đường T, tổ I, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ: số B, đường C, tổ I, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2025); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Nguyễn Quang H, sinh năm 1987; địa chỉ: số A, đường H, tổ D, khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Ngọc Tuấn A, sinh năm 1991; địa chỉ: số B, đường N, tổ A, khu phố A, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/7/2025); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lữ Đình L, sinh năm 2000; địa chỉ: số C T, khu C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Võ Duy G, sinh năm 2004; địa chỉ: số A T, tổ I, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966; địa chỉ: số A, đường T, tổ B, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Nguyễn Quang H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 11/10/2024, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 28/02/2025, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Ú trình bày:

Ông Trần Nguyễn Quang H là cháu ruột (con người em gái thứ 10 bên chồng của bà Ú), ông H gọi bà Ú bằng mợ Chín. Năm 2019, do cần tiền để làm ăn nên ông H có hỏi vay bà Ú số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), do là con cháu trong nhà nên khi bà Ú cho ông H vay tiền thì hai bên không làm giấy tờ gì, bà Ú giao tiền mặt cho ông H tại nhà của bà Ú có sự chứng kiến của mẹ ruột ông H là bà Nguyễn Thị P. Lãi suất bà Ú và ông H thỏa thuận là 02% tháng, thời hạn trả là năm 2023 (thỏa thuận miệng). Từ khi vay tiền cho đến tháng 05/2023, hàng tháng ông H đều chuyển khoản tiền lãi qua số tài khoản của bà Ú tại Ngân hàng V (kèm theo sao kê chuyển khoản). Thế nhưng, từ tháng 6 năm 2023 đến nay, ông H không trả tiền lãi và tiền gốc cho bà Ú theo đúng như thỏa thuận. Bà Ú đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại cho ông H thậm chí đến tận nhà để yêu cầu trả số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) mà ông H đã vay của bà Ú nhưng ông H vẫn né tránh và không thanh toán toàn bộ số tiền trên. Do vậy, bà Ú làm đơn này khởi kiện ông H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giải quyết buộc ông Trần Nguyễn Quang H phải trả cho bà Ú số tiền đã vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 9 năm 2024 là 14 tháng x 01% tháng (300.000.000 đồng x 01% x 15 tháng) là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng). Tổng số tiền bà Ú yêu cầu ông H phải trả cho bà Ú là 345.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Ngày 28/02/2025, bà Ú làm đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Nguyễn Quang H phải trả cho bà Ú số tiền đã vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), không yêu cầu tính tiền lãi và lãi suất chậm thanh toán.

2. Bị đơn ông Trần Nguyễn Quang H:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Nguyễn Quang H không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lữ Đình L trình bày:

Do bà Võ Thị Ú không có số tài khoản và con bà Ú chưa đủ tuổi để mở tài khoản tại ngân hàng nên ông Lữ Đình L có nhận tiền thay bà Ú số tiền chuyển vào tài khoản số 0281000656564 tại Ngân hàng V, nhận từ số tài khoản của ông Trần Nguyễn Quang H, số tài khoản 65010000 345240 tại Ngân hàng B. Cụ thể: Lần 01 vào ngày 15/6/2021 với số tiền là 20.000.000 đồng; lần 02 vào ngày 18/10/2021 với số tiền 34.000.000 đồng; lần 03 vào ngày 01/5/2022 với số tiền là 18.000.000 đồng; lần 04 vào ngày 15/7/2022 với số tiền là 18.000.000 đồng; lần 05 vào ngày 20/11/2022 với số là 18.000.000 đồng. Tổng cộng, ông L đã nhận của ông Trần Nguyễn Quang H số tiền là 108.000.000 đồng.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyên Võ Duy G1 trình bày:

Do bà Võ Thị Ú không có số tài khoản Ngân hàng và là con ruột bà Ú nên bà G1 có nhận tiền dùm mẹ là bà Võ Thị Ú chuyển vào tài khoản của bà G1 số 1030315840 (V) từ tài khoản của ông Trần Nguyễn Quang H số tài khoản 6.501.0000845240 (B). Cụ thể: Lần 01 vào ngày 19/01/2013 với số tiền 18.000.000 đồng (gồm 03 tháng); lần 02 vào ngày 25/4/2022 cũng với với số tiền 18.000.000 đồng; lần 03 vào ngày 19/8/2023 cũng với số tiền 18.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Trần Nguyễn Quang H đã chuyển vào tào khoản của bà G1 là 54.000.000 đồng.

5. Người làm chứng bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Nguyễn Quang H có mối quan hệ là mẹ con ruột. Bà Nguyễn Thị P thứ mười còn bà Ú là vợ anh thứ chín. Bà Nguyễn Thị P và ông H không có bất cứ mâu thuẫn gì với nhau. Sự việc ông H vay tiền của bà Ú thì bà P được biết như sau: Khoảng tháng 5 năm 2019, do cần tiền làm ăn nên ông H có hỏi vay bà Ú số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Do là con cháu trong nhà, nên khi bà Ú cho ông H vay tiền thì hai bên không làm giấy tờ gì. Bà Ú giao tiền mặt cho ông H tại nhà bà Ú có sự chứng kiến của bà P. Bà Nguyễn Thị P có nghe bà Ú nói rằng bà Ú cho ông H vay tiền thì hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 02%/tháng, thời hạn trả tiền theo bà P được biết khoảng 01 đến 02 năm. Từ khi vay tiền tháng 5 năm 2019 cho đến tháng 5 năm 2023, bà Nguyễn Thị P có nghe bà Ú nói hàng tháng ông H đều trả đủ tiền lãi cho bà Ú. Tuy nhiên, từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay, ông H không trả tiền lãi và tiền gốc cho bà Ú.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm sơ thẩm số 178/2025/DS-ST ngày 19/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ú đối với bị đơn ông Trần Nguyễn Quang H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bị đơn ông Trần Nguyễn Quang H có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Ú tổng số tiền vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Nguyễn Quang H nộp số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Nguyên đơn không phải nộp án phí sơ thẩm, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Ú số tiền 8.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu số 0008650 ngày 02/12/2024.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 02/7/2025 bị đơn ông Trần Nguyễn Quang H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm vì các lý do sau:

Thứ nhất: Về số tiền 300.000.000 đồng bà Võ Thị Ú cho rằng ông H vay tiền của bà Ú, hai bên là mợ cháu ruột nên chỉ giao dịch với nhau bằng miệng, không lập thành văn bản, không có giấy biên nhận, không thỏa thuận về thời hạn trả nợ và chỉ thỏa thuận với nhau về lãi suất là 02%/tháng. Bà Ú khai rằng đã giao tiền mặt cho ông H tại nhà bà Ú có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị P (là mẹ ruột của ông H). Bà Ú khai rằng ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Ú từ tháng 6/2023 cho đến nay nhưng lại không đưa ra căn cứ nào để chứng minh bà Ú đã gửi văn bản cho ông H xác định nghĩa vụ trả nợ, thời gian ông H phải trả nợ cho bà Ú và số tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bà Ú khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với ông H nhưng không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh theo quy định, không có bất cứ giấy tờ, tài liệu nào có liên quan đến việc vay nợ cũng như việc trả lãi. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành điều tra, xác minh làm rõ vụ việc ngoại trừ lời khai của người làm chứng duy nhất là bà P. Bà P tuy là mẹ ruột của ông H nhưng tại thời điểm xảy ra tranh chấp với bà Ú, bà P đang khởi kiện tranh chấp tài sản với ông H cũng tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, do đó lời khai và làm chứng của bà P hoàn toàn không khách quan và không đủ cơ sở pháp lý để Tòa án xem xét làm căn cứ duy nhất giải quyết vụ án. Theo tôi Tòa cấp sơ thẩm chưa áp dụng các nguyên tắc đánh giá chứng cứ một cách đầy đủ, khách quan, toàn diện theo Điều 108 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thứ hai: Tòa án cấp sơ thẩm đã không làm rõ mâu thuẫn trong lời khai của người làm chứng và người liên quan về việc nhận tiền và mục đích chuyển khoản tiền mà bà Ú coi là trả lãi 2%/tháng. Các khoản tiền mà bà Võ Thị Ú cho rằng ông H chuyển để thanh toán tiền lãi hàng tháng cho bà Ú và được chuyển qua nhiều lần vào các tài khoản đứng tên ông Lữ Đình L và bà Nguyễn Võ Duy G, đây là những người mà bà Ú cho rằng đã được bà ủy quyền nhận tiền giùm. Tuy nhiên,

trên thực tế đây là một giao dịch hoàn toàn khác, không phải là tiền lãi và các lần chuyển khoản này đều không ghi rõ nội dung chuyển tiền, không thể hiện mục đích thanh toán, không có căn cứ rõ ràng để xác định đây là tiền lãi như bà Ú khai nhận. Trong khi đó, lời khai của các đương sự khác trong vụ án có nhiều bất hợp lý và hoàn toàn mâu thuẫn trực tiếp với nhau: Cụ thể: bà Ú khai rằng ông H chuyển đều đặn tiền lãi hàng tháng vào tài khoản của bà Ú tại Ngân hàng V. Bà Ú khai rằng giữa ông H và bà Ú có quan hệ con cháu thân tộc trong nhà nên giúp đỡ và cho vay không lập văn bản, tuy nhiên lại cho rằng có thỏa thuận về lãi suất là 2%/tháng, tương đương 6.000.000 đồng/tháng trên khoản vay 300.000.000 đồng. Đây là mức lãi suất cao hơn nhiều so với lãi suất trung bình trên thị trường và mâu thuẫn với bản chất là cho con cháu trong nhà mượn tiền không lập văn bản như bà Ú trình bày. Ông L lại khai rằng bà Ú không có tài khoản ngân hàng, và vì con của bà Ú (bà G) còn nhỏ không có tài khoản, nên ông nhận giùm. Bà G, là con ruột của bà Ú, lại khai rằng bà Ú không có tài khoản, nên bà Giao nhận tiền lãi giùm mẹ qua tài khoản cá nhân của mình. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của ông Lữ Đình L và bà Nguyễn Võ Duy G để cho rằng các khoản tiền ông H chuyển tổng cộng 162.000.000 đồng là tiền lãi vay trong khoản thời gian từ tháng 5/2019 đến tháng 5/2023 (tương đương 48 tháng), bình quân là 3,375 triệu đồng/tháng. Con số này hoàn toàn không phù hợp với mức lãi suất 2%/tháng như bà Ú khai, tương đương số tiền 6.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, việc tiền chuyển vào tài khoản cho ông L lần đầu ngày 15/6/2021 và cho bà G ngày 19/01/2013 cho thấy trong giai đoạn từ năm 2019 đến giữa năm 2021 hoàn toàn không có giao dịch nào, điều này mâu thuẫn với lời khai của bà Ú cho rằng ông H trả lãi đều đặn hàng tháng. Đồng thời, mốc thời gian chuyển tiền cho bà G là 2013 hoàn toàn không phù hợp trong bối cảnh giao dịch từ năm 2019 đến 2023.

Bên cạnh đó, bà G khai rằng ông H chuyển tiền vào tài khoản của bà G vào ngày 19/8/2023, số tiền là 18.000.000 đồng là tiền lãi, trong khi trước đó bà Ú khai từ tháng 6/2023 ông H không trả tiền lãi và tiền gốc như thoả thuận. Tòa sơ thẩm cũng không làm rõ nội dung đầy mâu thuẫn này và số tiề này là tiền gì nhưng cũng công nhận đó là tiền ông H chuyển trả tiền lãi cho bà Ú là hoàn toàn không đúng bản chất của sự việc. Theo ông H, những người liên quan đến vụ án có lời khai đầy mâu thuẫn với nhau như trình bày trên đây, Tòa án cấp sơ thẩm phải tiến hành cho các đương sự đối chất để làm rõ lời khai của nhân chứng, người liên quan để có căn cứ xác minh làm rõ mục đích, bản chất từng lần chuyển tiền, đánh giá số tiền chuyển có phù hợp với lời khai trong đơn khởi kiện của bà Ú hay không. Tuy nhiên, từ những căn cứ mơ hồ, không có căn cứ chứng minh và đầy mâu thuẫn của những người liên quan đó, Tòa án cấp sơ thẩm lại công nhận toàn bộ các khoản tiền vay và tiền lãi bà Ú khai nhận và buộc ông H phải trả nợ cho bà Ú toàn bộ số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích chính đáng và danh dự của ông H.

Thứ ba: Lời khai của bà Nguyễn Thị P, là chứng cứ duy nhất để bà Ú làm căn cứ khởi kiện. Theo ông H, lời khai và làm chứng của bà P không khách quan, không phản ánh đúng thực tế về mối quan hệ và bà P hiện nay đang có mâu thuẫn lợi ích với ông H. Bà Nguyễn Thị P là mẹ ruột ông H nên khi mới nghe thì ai cũng

ngộ nhận rằng lời khai của bà P là đăng tin cậy và có thể sử dụng làm căn cứ chứng mình ông H vay tiền của bà Vô Thị Út . Bà P cho rằng không có bất cứ mâu thuẫn nào với tôi là không đúng với thực tế bởi vì hiện nay, ông H không còn bất kỳ mối quan hệ thân thiết hay liên lạc gì với bà P. Cha ông H là ông Trần Văn H1 và bà P đã ly hôn, không còn chung sống. Cha ông H hiện đang sinh sống cùng ông H, ông H là người trực tiếp chăm sóc ông H1, hoàn toàn không liên hệ hay sống cùng với bà P. Đồng thời, trong thời gian bà Ú khởi kiện ông H đòi tài sản thì ông H và cha ông H cũng là bị đơn do bà P khởi kiện ông H trong một vụ án khác. Như vậy, giữa bà P và gia đình ông H đang tồn tại mâu thuẫn và tranh chấp pháp lý. Cụ thể: bà P đang khởi kiện cha ông H là ông Trần Văn H1 trong vụ án "tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" theo Thông báo thụ lý số 1011/2024/TLST-DS ngày 28/11/2024; Đồng thời, bà P cũng đang khởi kiện ông H trong vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Thông báo thụ lý số 131/2025/TLST-DS ngày 11/02/2025 tại Tòa án TP T. Từ đó cho thấy, bà P đang có quyền lợi đối lập với ông H và cha ông H trong các vụ án dân sự khác, vì lý do đó việc Tòa sơ thẩm dựa vào lời khai duy nhất của bà P để xác định nội dung quan hệ vay mượn giữa ông H và bà Võ Thị Ú là không đúng và không đảm bảo tính khách quan theo quy định của pháp luật.

Thứ tư: Việc Tòa án nhận định Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cho rằng ông H từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình là không đúng. Vì trên thực tế trong khoảng thời gian bà Ú khởi kiện ông H thì trong gia đình ông H có nhiều xáo trộn, mẹ ông H khởi kiện cha ông H yêu cầu chia tài sản chung, khởi kiện ông H đòi tài sản cho vay, vợ ông H mới sinh con, gia đình kinh tế khó khăn nên ông H phải đi làm khắp nơi để đảm bảo cuộc sống gia đình nên ít khi có mặt tại nhà, các văn bản tố tụng như Tòa án nhận định đã tống đạt hợp lệ cho ông H, ông H không nhận được và ký tên xác nhận, chỉ duy nhất khi Tòa án mở phiên Tòa xét xử lần thứ nhất ông H có nhận được giấy triệu tập nhưng do ông H không biết nội dung vụ án như thế nào, bà Ú khởi kiện ông H về việc gì và lý do tại sao lại khởi kiện ông H nên ông H xin hoãn phiên Tòa để có thời gian tìm hiểu cho đến ngày 29/6/2025 ông H nhận được bản án sơ thẩm như đã trình bày trên đây.

Ông H cam đoan rằng ông H không hề có quan hệ vay mượn tiền với bà Ú. Riêng về số tiền tổng cộng 162.000.000 đồng ông H đã chuyển khoản cho bà Ú, ông L và bà G đây không phải là tiền trả lãi cho bà Ú mà là một giao dịch khác, không liên quan đến vụ án này và ông H sẽ khởi kiện yêu cầu bà Ú, ông L và bà G trả lại cho ông H bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn xác định thời điểm bà Ú cho ông H vay là ngày 22/8/2019 (không phải tháng 5/2019), tổng số tiền bà Ú cho ông H vay là 300.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 02%/tháng, tổng số tiền lãi ông H đã thanh toán cho bà Ú là 162.000.000 đồng, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn ông Trần Nguyễn Quang H do ông Vũ Ngọc Tuấn A xác định số tiền 162.000.000 đồng mà ông H chuyển vào tài khoản của ông L và bà G không phải là tiền lãi trả cho bà Ú mà là tiền ông H tự nguyện cho bà G ăn học vì khi cha bà

G còn sống đã giúp đỡ ông H. Các nội dung còn lại trong đơn kháng cáo đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm theo nguyên đơn bà Võ Thị Ú cho rằng: Tháng 5 năm 2019 ông Trần Nguyễn Quang H là cháu gọi bà Ú bằng M, do cần tiền để làm ăn nên H vay bà Ú số tiền 300.000.000 đồng hai bên không làm văn bản vay mượn tiền. Lãi suất bà Ú và ông H thỏa thuận là 02% tháng, thời hạn trả là năm 2023 (thỏa thuận miệng). Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại số tiền gốc đã vay 300.000.000 đồng. Bà Ú cho biết từ khi vay tháng 5 năm 2019 đến tháng 5/2023, ông H đều trả lãi hàng tháng. Thời gian đầu, H giao tiền mặt cho bà Ú sau thời gian đó H chuyển khoản tiền lãi vào tài khoản của ông Lữ Đình L, sinh năm 2000 và chuyển khoản vào tài khoản của bà Nguyễn Võ Duy G (sinh năm 2004). Theo lời khai của bà Nguyễn Thị P là người làm chứng đồng thời là mẹ ruột của ông Trần Nguyễn Quang H xác nhận sự việc ông H vay tiền của bà Ú và khoảng tháng 5/2019 do cần tiền làm ăn nên H có hỏi vay bà Ú số tiền 300.000.000 đồng do là con cháu trong nhà nên khi bà Ú cho H vay tiền thì không làm giấy vay tiền. Bà Ú giao tiền mặt cho H tại nhà bà Ú có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị P. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lữ Đình L xác định ông L có nhận tiền vào tài khoản số tài khoản 0281000656564 V, nhận từ số tài khoản của ông Trần Nguyễn Quang H, số tài khoản 65010000 345240 B, tổng cộng nhận của ông Trần Nguyễn Quang H là 108.000.000 đồng. Bà Nguyễn Võ Duy G xác định chị G có nhận tiền dùm mẹ là bà Võ Thị Ú tài khoản của bà G 1030315840 V từ tài khoản của ông Trần Nguyễn Quang H số tài khoản 6.501.0000845240 (B), tổng số tiền của ông Trần Nguyễn Quang C vào tài khoản là 54.000.000 đồng. Như vậy, số tiền ông H đã trả lãi cho bà Ú thông qua số tài khoản của ông Lữ Đình L và bà Nguyễn Võ Duy G tổng cộng là 162.000.000 đồng. Mặc dù ông H không thừa nhận vay tiền của bà Ú, nhưng căn cứ vào lời khai của bà Ú phù hợp với lời khai của bà P (mẹ của ông H) và có chuyển khoản đóng lãi cho L, cho G và chính lời khai của bà Ú xác định là ông H đã đóng lãi cho bà Ú từ khi vay tháng 5/2019 đến tháng 5/2023; chuyển khoản lần cuối cho G là ngày 19/8/2023 nên đủ căn cứ xác định ông H có vay tiền của bà Ú 300.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ.

Tuy nhiên Tòa án sơ thẩm chỉ xác định ông H trả tiền lãi cho bà Ú 162.000.000 đồng dựa trên cơ sở sao kê tài khoản là chưa phù hợp. Bởi vì theo lời khai ngày 28/02/2025 bà Ú cho biết từ khi vay tháng 5 năm 2019 đến tháng 5/20233, ông H đều trả lãi hàng tháng, như vậy, là ông H đã trả lãi 04 năm = 48 tháng, thỏa thuận lãi suất 02% mỗi tháng đóng lãi tương ứng = (300.000.000 đồng

x 2% = 6.000.000 đồng/tháng). Như vậy, xem như ông H đã trả lãi 6.000.000 đồng x 48 tháng = 288.000.000 đồng (bao gồm cả chuyển khoản cho ông L và bà G đến tháng 05/2023). Lần cuối chuyển khoản cho bà G là ngày 19/8/2023 là 18.000.000 đồng (03 tháng – là lãi tháng 6, 7 và tháng 8 là phù hợp). Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định ông H đã trả lãi cho bà Ú tổng cộng là 306.000.000 đồng, gồm: (288.000.000 đồng + 18.000.000 đồng) là số tiền bà Ú đã nhận tiền lãi của ông H trả. Xét thấy việc trả lãi suất trên của ông H là vượt quá quy định theo lãi suất của ngân hàng N, nên cần xem xét trừ vào tiền gốc số tiền bị đơn đã trả lãi suất vượt so với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể: Từ tháng 5/2019 đến tháng 5/2023, ông H đều trả lãi hàng tháng, như vậy là ông H đã trả lãi 48 tháng = 306.000.000 đồng. Theo quy định về lãi suất cơ bản của số tiền 300.000.000 đồng từ tháng 5/2019 đến 05/2023 là 04 năm (48 tháng) với lãi suất quy định là 1,25%/tháng = 180.000.000 đồng, do ông H đã trả 306.000.000 đồng tiền lãi cho bà Ú, nên cần khấu trừ số tiền vượt quá là 126.000.000 đồng vào tiền nợ gốc (306.000.000 đồng – 180.000.000 đồng = 126.000.000 đồng). Như vậy, số tiền gốc ông H còn phải trả cho bà Ú là 174.000.000 đồng (300.000.000 đồng – 126.000.000 đồng = 174.000.000 đồng). Do đó, cần khấu trừ số tiền mà bị đơn đã trả lãi suất vượt so với quy định vào tiền gốc mới phù hợp.

Xét thấy, bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, chưa xem xét phần trả tiền lãi vượt quá là chưa phù hợp nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm về khấu trừ tiền lãi vượt quá vào tiền gốc như phân tích trên. Do đó, kháng cáo của bị đơn ông Trần Nguyễn Quang H kháng cáo là có cơ sở chấp nhận 01 phần, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị đơn ông Trần Nguyễn Quang H, sửa Bản án dân sự số 178/2025/DS-ST ngày 19/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nay là Tòa án khu vực 15 – TP . theo hướng tuyên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 174.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lữ Đình L và bà Nguyễn Võ Duy G đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà G theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông H cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cho rằng ông H từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình là không đúng. Vì trên thực tế trong khoảng thời gian bà Ú khởi kiện ông H thì trong gia đình ông H có nhiều xáo trộn, mẹ ông H khởi kiện cha ông H yêu cầu chia tài sản chung,

khởi kiện ông H đòi tài sản cho vay, vợ ông H mới sinh con, gia đình kinh tế khó khăn nên ông H phải đi làm khắp nơi để đảm bảo cuộc sống gia đình nên ít khi có mặt tại nhà, các văn bản tố tụng như Tòa án nhận định đã tống đạt hợp lệ cho ông H, ông H không nhận được và ký tên xác nhận, chỉ duy nhất khi Tòa án mở phiên Tòa xét xử lần thứ nhất ông H có nhận được giấy triệu tập nhưng do ông H không biết nội dung vụ án như thế nào, bà Ú khởi kiện ông H về việc gì và lý do tại sao lại khởi kiện ông H nên ông H xin hoãn phiên Tòa để có thời gian tìm hiểu cho đến ngày 29/6/2025 ông H nhận được bản án sơ thẩm như đã trình bày trên đây. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa do ông H là người ký nhận trực tiếp được thể hiện tại các bút lục 65, 72, 69, 80, 89 nhưng ông Trần Nguyễn Quang H không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không có lý do chính đáng trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt của ông H là phù hợp với quy định tại các Điều 227 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày trên của bị đơn.

[2] Nội dung vụ án: Ông Trần Nguyễn Quang H là cháu gọi bà Ú bằng mợ, do cần tiền để làm ăn nên ông H có vay bà Ú số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), hai bên không làm văn bản, bà Ú giao tiền mặt cho ông H tại nhà của bà Ú, có sự chứng kiến của mẹ ruột ông H là bà Nguyễn Thị P. Hai bên thỏa thuận bằng miệng mức lãi suất là 02% tháng, thời hạn trả là năm 2023. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại số tiền gốc đã vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

[3] Xét thấy, theo biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị P là mẹ ruột của ông Trần Nguyễn Quang H xác nhận có việc ông H vay của bà Ú số tiền 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng), do là con cháu trong nhà nên khi bà Ú cho ông H vay tiền thì hai bên không làm giấy vay tiền. Bà Ú giao tiền mặt cho H tại nhà bà Ú có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị P. Lời khai này của bà P phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lữ Đình L và bà Nguyễn Võ Duy G đều xác nhận có nhận tiền chuyển khoản của ông Trần Nguyễn Quang H chuyển vào tài khoản của ông Lữ Đình L và bà Nguyễn Võ Duy G để trả số tiền lãi cho bà Ú từ năm 2020 đến năm 2023, có sao kê chứng từ chuyển khoản của Ngân hàng. Tổng cộng số tiền ông H đã chuyển vào tài khoản của ông L là 108.000.000 đồng, tổng số tiền ông H đã chuyển vào tào khoản của bà G là 54.000.000 đồng. Đồng thời, cũng phù hợp với nội dung tin nhắn qua Zalo giữa bà Ú và ông H trong khoảng thời gian từ ngày 12/6/2021 đến ngày 19/12/2024 do nguyên đơn xuất trình nên có căn cứ xác định ông H có vay tiền của bà Ú số tiền 300.000.000 đồng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà Ú khởi kiện yêu cầu ông H trả lại số tiền gốc đã vay 300.000.000 đồng (ba

trăm triệu đồng) được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về tiền lãi: Bà Võ Thị Ú và ông Trần Nguyễn Quang H thỏa thuận mức lãi suất là 02%/ tháng tính trên số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Ông Trần Nguyễn Quang H đã chuyển khoản vào tài khoản của ông Lữ Đình L và chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Võ Duy G tổng số tiền lãi là 162.000.000đồng. Xét thấy, do nguyên đơn và bị đơn không lập văn bản thỏa thuận về mức lãi suất nên căn cứ sao kê tài khoản do bị đơn chuyển khoản trả tiền lãi cho nguyên đơn vào tài khoản của ông Lữ Đình L vào ngày 15/6/2021 thì ngày tính tiền lãi được tính từ ngày 15/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/6/2025 là 48 tháng 04 ngày, mức lãi lãi hai bên thỏa thuận miệng 02%/tháng là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 1,25% (10% x 150% = 1,25%). Mức lãi suất và số tiền lãi cụ thể được tính như sau: 300.000.000 đống x 1,25% x 48 tháng 04 ngày = 180.500.000 đồng. Như vậy, sau khi trừ số tiền lãi bị đơn đã chuyển khoản trả cho nguyên đơn vào tài khoản của ông Lữ Đình L và chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Võ Duy G tổng số tiền lãi là 162.000.000đồng thì vẫn còn nợ số tiền lãi là 18.500.000 đồng. Ngày 28/02/2025, bà Ú làm đơn thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Nguyễn Quang H phải trả cho bà Ú số tiền đã vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) không yêu cầu tính tiền lãi là có lợi cho bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Theo đơn kháng cáo ngày 02/7/2025, bị đơn ông Trần Nguyễn Quang H cho rằng số tiền 162.000.000 đồng ông H đã chuyển khoản cho bà Ú, ông L và bà G đây không phải là tiền trả lãi cho bà Ú mà là một giao dịch khác, không liên quan đến vụ án này và ông H sẽ khởi kiện yêu cầu bà Ú, ông L và bà G trả lại cho ông H bằng một vụ án khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Nguyễn Quang H do ông Vũ Ngọc Tuấn A xác định số tiền 162.000.000 đồng mà ông H chuyển vào tài khoản của ông L và bà G không phải là tiền lãi trả cho bà Ú mà là tiền ông H tự nguyện cho bà G ăn học vì khi cha bà G còn sống đã giúp đỡ ông H. Xét thấy, lời trình bày trên của ông H là có mâu thuẫn, đồng thời ông H cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận một phần.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Nguyễn Quang H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2025/DS-ST ngày 19/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Nguyễn Quang H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003760 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP. 18 (12b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thanh Tuyền

2025DSPT43467
1 000137 087218
08.10.2025 15:26
Võ Thi Út